

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI

Tháng 11 và 11 tháng năm 2011

I. CÔNG NGHIỆP:

Giá trị sản xuất công nghiệp tháng 11 ước đạt 70.819 tỷ đồng (giá thực tế), tăng 4,7% so tháng trước. **Mười một tháng ước đạt 664.235 tỷ đồng, tăng 11,4% so cùng kỳ năm trước.** Trong đó: công nghiệp nhà nước chiếm 14,1%, tăng 1,8%; công nghiệp ngoài nhà nước chiếm 47,9%, tăng 13,7% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 38%, tăng 14,1%.

Giá trị sản xuất công nghiệp

	Giá trị sản xuất (<i>giá thực tế - tỷ đồng</i>)		% so sánh	
	Tháng 11	11 tháng	Tháng 11 so với tháng 10	11 tháng so với cùng kỳ
	Tổng số (I+II)	70.819	664.235	104,7
I. Khu vực trong nước	43.748	411.879	105,1	109,9
1. Trung ương	6.819	72.435	104,5	100,6
2. Địa phương	36.929	339.444	105,3	113,1
- Nhà nước	2.097	21.407	101,6	106,3
- Ngoài nhà nước	34.832	318.037	105,6	113,7
II. Khu vực có vốn ĐTNN	27.071	252.356	104,0	114,1

Trong 27 ngành có 4 ngành sản xuất giảm và 23 ngành tăng. Trong đó có 13 ngành tăng cao hơn mức tăng bình quân chung của ngành, những ngành chiếm tỷ trọng lớn có mức tăng cao là: da giày (+23%); may (+20,7%); hoá chất (+7,4%); cao su và plastic (+10,1%); các sản phẩm từ kim loại (+13%); máy móc và thiết bị điện (+15,1%); vật liệu xây dựng (+10,5%). Ngành thực phẩm đồ uống chiếm tỷ trọng cao nhất tăng 8,4%. Các ngành vẫn liên tục giảm qua các tháng là khai thác đá; sản xuất thuốc lá; sản xuất và phân phối điện.

CỤC THÔNG KÊ TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG THÔNG KÊ TỔNG HỢP
ĐT: 38 299 838, 38 244 733

**Tốc độ phát triển một số ngành công nghiệp chủ yếu 11 tháng
so với cùng kỳ**

Đơn vị tính : %

	Công nghiệp trên địa bàn	Chia ra	
		Khu vực trong nước	Khu vực có vốn nước ngoài
1- Thực phẩm đồ uống	108,4	110,5	101,8
2- Sản xuất thuốc lá	99,0	99,0	-
3- Dệt may	116,6	113,8	125,4
4- Sản xuất da, giày, vali túi xách	123,0	111,6	126,2
5- Hóa chất và SP từ hóa chất	107,4	114,3	100,7
6- SP từ cao su, plastic	110,1	105,6	133,9
7- Vật liệu xây dựng	110,5	115,9	98,0
8- SX kim loại	134,9	135,7	122,2
9- Cơ khí chế tạo ¹	113,1	113,1	113,1
10- SX radio, tivi, thiết bị truyền thông	101,8	86,3	105,9

Giá trị sản xuất công nghiệp trung ương: tháng 11 ước đạt 6.819 tỷ đồng, tăng 4,5% so tháng 10. **Mười một tháng đạt 72.435 tỷ đồng, tăng 0,6% so cùng kỳ.** Trong đó doanh nghiệp 100% vốn nhà nước giảm 21,7%, doanh nghiệp cổ phần tăng 4,8%, công ty TNHH một thành viên giảm 7,4%. Trong 19 ngành có 8 ngành sản xuất tăng so cùng kỳ năm trước, các ngành chiếm tỷ trọng lớn tăng là: thực phẩm đồ uống (+1,7%); hoá chất (+17,9%); vật liệu xây dựng (+17,2%). Có 11 ngành sản xuất giảm, trong đó những ngành chiếm tỷ trọng lớn như: thuốc lá (-10,2%); xuất bản, in (-2,2%); sản xuất radio, tivi và thiết bị truyền thông (-28%); giấy và sản phẩm từ giấy (-17,7%).

Giá trị sản xuất công nghiệp nhà nước địa phương: tháng 11 ước đạt 2.097 tỷ đồng, tăng 1,6% so tháng 10. **Mười một tháng ước đạt 21.407 tỷ đồng, tăng 6,3% so cùng kỳ.** Trong đó doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tăng 6,1%; công ty cổ phần tăng 10,1% ; công ty TNHH một thành viên tăng 7,7%. Trong 17 ngành có 11 ngành sản xuất tăng. Ngành chiếm tỷ trọng cao nhất là ngành sản xuất thuốc lá tăng 13,8%; hóa chất tăng 3,4%; thực phẩm và đồ uống tăng 2,6%; sản xuất cao su và plastic tăng 10,7% ; khai thác lọc và phân phối nước tăng 15,3%. Một số ngành giảm là: xuất bản, in giảm 5,8%; sản xuất xe có động cơ giảm 6,4%; dệt giảm 1,8%.

Giá trị sản xuất công nghiệp ngoài nhà nước: tháng 11 ước đạt 34.832 tỷ đồng, tăng 5,6% so tháng trước. **Mười một tháng ước đạt 318.037 tỷ đồng, tăng 13,7% so cùng kỳ.** Có 21/26 ngành sản xuất tăng, hầu hết các ngành chiếm tỷ trọng lớn đều tăng như: ngành thực phẩm đồ uống chiếm tỷ trọng cao nhất với mức tăng

¹ Cơ khí chế tạo bao gồm 5 ngành: SX sản phẩm từ kim loại, máy móc thiết bị, máy móc thiết bị điện, sản xuất xe ô tô và SX phương tiện vận tải khác.

13,9%; kể đến là ngành cao su và plastic tăng 5,9%; may tăng 16,5%; các sản phẩm từ kim loại tăng 9,4%; hoá chất tăng 13,7%; máy móc và thiết bị điện tăng 35,9%; dệt tăng 12,1%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 15,7%; vật liệu xây dựng tăng 14,6%.

Giá trị sản xuất công nghiệp khu vực có vốn đầu tư nước ngoài: tháng 11 ước đạt 27.071 tỷ đồng, tăng 4% so tháng 10. **Mười một tháng đạt 252.356 tỷ đồng, tăng 14,1% so cùng kỳ.** Có 19/22 ngành sản xuất tăng so với cùng kỳ, trong đó da giày chiếm tỷ trọng cao nhất tăng 26,3%; kể đến là hoá chất tăng 0,7%; thực phẩm và đồ uống tăng 1,8%; các sản phẩm từ kim loại tăng 16,8%; radio, tivi và thiết bị truyền thông tăng 5,9%; may tăng 27,5%; máy móc và thiết bị điện tăng 7,1%; cao su và plastic tăng 33,9%.

Theo phương pháp IIP giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố 11 tháng tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2010.

II. NÔNG LÂM NGHIỆP THỦY SẢN

1. Nông nghiệp:

1.1. Trồng trọt:

+ **Tình hình sản xuất vụ mùa:** Tổng diện tích gieo trồng 14.573 ha, giảm 1,8% so với vụ mùa năm trước. Trong đó, diện tích lúa 10.597 ha, giảm 5,9%; rau gieo trồng 3.188 ha, tăng 9,4%; diện tích đậu phộng 84 ha, tăng 61,5%; mía trồng mới 357 ha, tăng 88,9%. Đa số các loại cây trồng đều đạt năng suất cao hơn so với vụ mùa năm trước.

Sơ bộ kết quả sản xuất vụ mùa năm 2011

	Vụ mùa 2011			% so với vụ mùa 2010		
	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích tích	Năng suất	Sản lượng
Tổng số	14.573			98,2		
Lúa	10.597	35,7	37.845	94,1	106,6	100,3
Bắp	350	26,0	91	58,3	101,3	59,1
Rau	3.188	241,7	77.066	109,4	101,5	111,0
Đậu phộng	84	23,0	193	161,5	102,2	165,1
Mía trồng mới	357	-	-	188,9	-	-

+ **Sản xuất vụ đông xuân:** Huyện Củ Chi đã xuống giống 17 ha lúa, chỉ bằng 20,7% so với tiến độ cùng kỳ năm trước, rau gieo trồng 1.743 ha, tăng gần 10%.

1.2. Chăn nuôi: theo kết quả điều tra chăn nuôi 1/10/2011, số lượng gia súc, gia cầm của thành phố đều tăng so với cùng thời điểm năm trước.

+ **Gia súc:** Đàn trâu có 5.091 con, tăng 14,5%; đàn bò 102.343 con, tăng 2,9% (riêng bò sữa 77.329 con, chiếm 75,6% tổng đàn bò, tăng 2,5%). Đàn heo có 309,7 ngàn con; trong tổng số: heo thịt chiếm 84,4% tổng đàn, heo rừng lai 3.293 con. Đàn heo nuôi ở khu vực vùng ven và nội thành giảm 10,7%, khu vực ngoại

thành tăng 12,7%. Đàn heo của các doanh nghiệp nhà nước giảm 15,9% so cùng thời điểm năm trước.

+ **Gia cầm và chăn nuôi khác:** Đàn gà hiện có 222,3 ngàn con, tăng 78,5% so với cùng thời điểm năm trước. Ngoài ra còn có các vật nuôi khác như nuôi chim yến, trùn quế, dê thịt, thỏ,... tuy số lượng chưa nhiều nhưng thể hiện hướng phát triển đa dạng của nền nông nghiệp đô thị. .

2. Thủy sản (tại huyện Cần Giờ):

Sản lượng thủy sản tháng 11 ước thực hiện 3.210 tấn, giảm 9,6% so với tháng trước, tăng 9,1% so với tháng 11/2010: sản lượng đánh bắt 1.920 tấn, tăng 34%; sản lượng nuôi trồng 1.290 tấn, giảm 14,5%.

Tổng sản lượng thủy sản 11 tháng ước thực hiện 34.209 tấn, tăng 6,2% so với cùng kỳ năm trước: sản lượng đánh bắt chiếm 58,6%, tăng 3,2%; nuôi trồng chiếm 41,4%, tăng 10,8%.

+ **Tình hình thả nuôi tôm:** Từ đầu năm đến ngày 07/11 đã có 1.176 lượt hộ thả nuôi 220,9 triệu tôm sú giống trên diện tích 3.808,7 ha. Tôm thẻ chân trắng có 2.117 lượt hộ thả nuôi 1.583,1 triệu con giống trên diện tích 2.171,4 ha.

+ **Tình hình dịch bệnh:** Từ đầu năm đến nay có 301 lượt hộ nuôi có tôm bị bệnh trên diện tích 293,73 ha, chiếm 10% diện tích thả nuôi (không bao gồm nuôi sinh thái), thiệt hại 173 triệu con tôm giống. Trong đó, 254 lượt hộ được xử lý bằng thuốc của nguồn quỹ phòng ngừa dịch bệnh.

III. ĐẦU TƯ

1. Vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư XDCB trên địa bàn 11 tháng ước thực hiện 136.636 tỷ đồng so với cùng kỳ tăng 16%, tốc độ tăng thấp hơn cùng kỳ năm trước (11 tháng năm 2010 tăng 18,7%)

Vốn đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn thuộc ngân sách thành phố 11 tháng ước thực hiện 15.104,4 tỷ đồng, tăng 7,5% so với cùng kỳ và đạt 82% kế hoạch năm (11 tháng cùng kỳ tăng 28,3%). Cấp thành phố ước thực hiện 7.905,8 tỷ đồng, chiếm 52,3%, so cùng kỳ bằng 96,2%; Cấp quận huyện 7.198,6 tỷ đồng, chiếm 47,7%, so với cùng kỳ tăng 23,5%.

Vốn đầu tư xây dựng thuộc ngân sách thành phố

	Ước thực hiện 11 tháng (tỷ đồng)	% thực hiện so với	
		Kế hoạch	Cùng kỳ năm 2010
Tổng vốn đầu tư	15.104,4	82,0	107,5
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	1.481,9	93,0	98,8
Cấp thành phố	7.905,8	78,1	96,2
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	701,0	87,6	113,3
Cấp quận huyện	7.198,6	89,8	123,5
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	780,9	98,5	88,6

Sự kiện nổi bật trong tháng 11 là thông xe hầm Thủ Thiêm và toàn bộ tuyến Đại lộ Đông Tây vào ngày 20 tháng 11, đây là một hạng mục quan trọng trong dự án Đại lộ Đông – Tây (đường Võ Văn Kiệt) đi qua 8 quận, huyện trên địa bàn thành phố với tổng vốn đầu tư của dự án gần 16 ngàn tỷ đồng,

Trong tháng các Sở, ngành đang khẩn trương thực hiện khối lượng còn lại của những tháng cuối năm như: các dự án sửa chữa cầu đường, hệ thống thoát nước, chống ngập, hoàn thành một số trường học,... Nhìn chung 11 tháng khối lượng thực hiện khá, nhưng so với cùng kỳ có tốc độ tăng chậm hơn.

Tình hình thực hiện các công trình trọng điểm:

- Dự án Đại lộ Đông – Tây (hầm Thủ Thiêm): hoàn thành cơ bản toàn tuyến trong tháng 11/2011;

- Dự án Tuyến vành đai Tân Sơn Nhất – Bình Lợi: khối lượng thực hiện trên toàn tuyến đạt trên 42%. Hiện còn vướng một số điểm chưa giải tỏa được ảnh hưởng tiến độ thi công;

- Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên: tính đến nay khâu giải phóng mặt bằng trên toàn tuyến đạt trên 90% (Quận 1, Quận Bình Thạnh đã giải tỏa xong; riêng Quận 2, Quận 9 còn một số điểm chưa xong);

- Cầu Rạch Chiếc: khối lượng thực hiện khá;

- Các dự án tuyến đường sắt số 2, số 3 đang trong giai đoạn lập dự án khả thi;

2. Tình hình cấp phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở hộ dân riêng lẻ:

Tính đến ngày 30/10, toàn thành phố đã cấp gần 38 ngàn giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 6.541,9 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 32,6 ngàn giấy phép, với diện tích 5.936,6 ngàn m² và 5,4 ngàn giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 605,3 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 9,6% về giấy phép (+ 3.334 giấy phép) và tăng 4% về diện tích (+ 252,6 ngàn m²).

3. Cấp phép đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/11, đã có 330 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn đăng ký 2.076,7 triệu USD, vốn điều lệ 648,8 triệu USD. Trong đó, hình thức liên doanh 78 dự án, vốn đầu tư 479,6 triệu USD; 100% vốn nước ngoài 252 dự án, vốn đầu tư 1.597,1 triệu USD, vốn điều lệ 443,3 triệu USD.

Chia theo lĩnh vực đầu tư: ngành công nghiệp 36 dự án, vốn đầu tư 1.129,3 triệu USD (chiếm 54,3%); ngành xây dựng 42 dự án, vốn đầu tư 63,7 triệu USD (chiếm 3%); ngành thương mại 91 dự án, vốn đầu tư 299,3 triệu USD (chiếm 14,4%); ngành vận tải 19 dự án, vốn đầu tư 44,4 triệu USD (chiếm 2,1%); ngành kinh doanh bất động sản và dịch vụ tư vấn 132 dự án, vốn đầu tư 444,8 triệu USD (chiếm 21,4%),...

Chia theo đối tác đầu tư: Singapore 70 dự án, vốn đầu tư 1.456,6 triệu USD; Hàn Quốc 57 dự án, vốn đầu tư 56,2 triệu USD; Nhật Bản 46 dự án, vốn đầu tư 150 triệu USD; Hoa Kỳ 21 dự án, vốn đầu tư 16,3 triệu USD; Malaysia 16 dự án, vốn đầu tư 5,1 triệu USD; Hồng Kông 15 dự án, vốn đầu tư 13,8 triệu USD,...

Có 86 dự án được điều chỉnh vốn đầu tư, vốn điều chỉnh tăng 292,2 triệu USD.

Tổng số vốn cấp mới và điều chỉnh 2.368,9 triệu USD, tăng 25,1% so với cùng kỳ năm 2010 (11 tháng đầu năm 2010 đạt 1.893 triệu USD).

Số dự án còn hiệu lực đến ngày 15/11 là 4.193 dự án; vốn đăng ký 32.050,9 triệu USD; tăng 335 dự án và tăng 2.747,3 triệu USD so với cùng kỳ năm trước.

IV. NỘI THƯƠNG - GIÁ CẢ

1. Nội thương

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tháng 11 trên địa bàn thành phố ước đạt 41.574 tỷ đồng, tăng 2,2% so với tháng trước. Trong các thành phần kinh tế: kinh tế tập thể có mức tăng cao nhất là 8,8%, nhưng tỷ trọng trong tổng số chỉ chiếm 4%, kinh tế cá thể (chiếm tỷ trọng 29,5%) có mức tăng 2,3% cao hơn mức tăng chung. Hiện nay đã vào mùa mua sắm cuối năm, nhưng mức tiêu thụ hàng hóa dịch vụ trên thị trường chưa có sự biến động lớn.

So với tháng 11/2010, tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tăng 19,8%; riêng khu vực có vốn nước ngoài giảm 4,6%.

Ước tính 11 tháng, tổng mức hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ đạt 414.623 tỷ đồng, tăng 23,4% so với cùng kỳ năm trước.

- + Kinh tế nhà nước 84.322 tỷ đồng, chiếm 20,3%, tăng 28,1%;
- + Kinh tế ngoài nhà nước 318.031 tỷ đồng, chiếm 76,7%, tăng 22,7%;
- + Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 12.270 tỷ đồng, chiếm 3%, tăng 11,7%.

Mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ phân theo ngành hàng

	Ước thực hiện 11 tháng (Tỷ đồng)			% so sánh 11 tháng với cùng kỳ		
	Trên địa bàn	K.tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN	Trên địa bàn	K. tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN
Tổng mức	414.623	402.353	12.270	123,4	123,8	111,7
Tr.đó: Thương nghiệp	337.901	335.616	2.285	122,8	122,9	113,9
Khách sạn	6.949	3.006	3.943	115,0	124,6	108,6
Nhà hàng	34.729	33.874	855	129,0	129,8	104,9
Dịch vụ du lịch lữ hành	9.867	8.402	1.465	132,1	131,9	133,2

Loại trừ yếu tố biến động giá, lượng hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ tăng 7,2% so với cùng kỳ năm 2010.

Doanh thu du lịch (bao gồm dịch vụ du lịch lữ hành và khách sạn) ước 11 tháng đạt 16.816 tỷ đồng, tăng 24,2% so với cùng kỳ. Du lịch lữ hành chiếm 58,7%, tăng 32,1% và khách sạn chiếm 41,3%, tăng 15%.

2. Giá cả

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 11 tăng 0,28% so với tháng 10, do các mặt hàng lương thực tăng 4,56% so với tháng trước đã tạo nên mức tăng chung của nhóm “hàng ăn và dịch vụ ăn uống” là 0,81% (riêng thực phẩm giảm 0,07%) là nhóm tăng cao nhất trong tháng. 7 nhóm hàng có mức tăng nhẹ hoặc xấp xỉ tháng trước, và, 3 nhóm hàng có mức giá giảm so với tháng trước là “nhà ở, điện nước và chất đốt” (giảm 0,36%), “bưu chính viễn thông” (giảm 0,21%) và “văn hóa vui chơi giải trí” (giảm 0,56%)

Mức biến động của một số hàng hóa chủ yếu so với tháng trước: gạo tăng cao nhất với mức tăng 5,72%, thịt bò (tăng 2,30%), thủy sản chế biến (tăng 1,74%), rau các loại (tăng 4,87%), sữa bơ các loại (tăng 0,55%). Một số mặt hàng có giá giảm: thịt heo (giảm 3,15%), thịt gà (giảm 0,33%), thịt vịt (giảm 3,89%), trứng các loại (giảm 0,72%), thủy sản tươi sống (giảm 0,95%), trái cây các loại (giảm 1,32%).

So với tháng 11/2010, chỉ số giá tiêu dùng tăng 16,88%, trong đó hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 24,7% và nhóm “giao thông tăng 20,96%” là 2 nhóm có mức tăng cao nhất trong 12 tháng.

So với tháng 12/2010, chỉ số giá tăng 15,02%. giá lương thực tăng 18,14%, trong đó giá thực phẩm tăng 20,15%.

Giá tiêu dùng bình quân 11 tháng năm 2011 so với giá tiêu dùng bình quân cùng kỳ năm 2010 tăng 15,14% (11 tháng năm 2010 tăng 9,04%); riêng giá các mặt hàng thực phẩm tăng bình quân 22,92%.

Để kiểm chế tốc độ tăng giá góp phần ổn định mức sống dân cư, UBND thành phố chỉ đạo các ngành chức năng tăng cường bình ổn giá ổn định đời sống của người dân trên địa bàn thành phố trong cả năm 2011 và Tết Nhâm Thìn năm 2012. Giá bán của các sản phẩm trong chương trình bình ổn phải đảm bảo luôn thấp hơn giá bán của sản phẩm cùng chủng loại, chất lượng trên thị trường ít nhất là 10% trong suốt thời gian thực hiện bình ổn. Có 22 doanh nghiệp tham gia, trong đó có 3 doanh nghiệp không nhận vốn của chương trình và 8 doanh nghiệp chỉ nhận 1 phần vốn (những doanh nghiệp tham gia chương trình được hỗ trợ vốn vay không lãi suất từ 01/4/2011 đến hết 31/3/2012, tổng số vốn dành cho chương trình là 412 tỷ đồng). Lượng hàng bình ổn trong dịp Tết năm 2012 nhiều hơn Tết năm trước như gạo tăng 4,4%, đường tăng 9,5%, dầu ăn tăng 20%, thịt gia cầm tăng 30%, rau củ quả tăng 22%,

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và giá USD tháng 11

Đơn vị tính: %

	So với tháng 10	So với tháng 11/2010	So với tháng 12/2010
1. Chỉ số giá tiêu dùng	100,28	116,88	115,02
Ăn và dịch vụ ăn uống	100,81	124,70	121,81
Trong đó: Lương thực	104,56	123,52	118,14
Thực phẩm	99,93	122,72	120,15
Đồ uống và thuốc lá	100,08	109,48	108,08
May mặc, mũ nón giày dép	100,10	113,56	110,06
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	99,64	116,04	113,21
Thiết bị và đồ dùng gia đình	100,41	110,77	109,84
Dược phẩm và dịch vụ y tế	100,01	107,68	107,47
Giao thông	99,79	120,96	120,86
Bưu chính viễn thông	100,05	97,87	97,84
Giáo dục	100,04	108,88	108,88
Văn hoá, giải trí và du lịch	99,44	109,41	108,09
Hàng hóa và dịch vụ khác	100,15	114,85	113,42
2. Chỉ số giá vàng	100,09	132,70	126,38
3. Chỉ số giá USD	100,68	104,24	100,75

Giá vàng tháng 11 tăng 0,09% so với tháng trước, tăng 26,38% so với tháng 12/2010. Mức tăng tương ứng của USD là 0,68% so và 0,75%.

V. XUẤT NHẬP KHẨU

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá 11 tháng đầu năm (không tính dầu thô) đạt 42.342,5 triệu USD, tăng 6.756,9 triệu USD so với 11 tháng cùng kỳ năm 2010 (tăng 19%). Khu vực kinh tế trong nước 30.914,2 triệu USD, tăng 17,8% (tăng 4.666,8 triệu USD), khu vực kinh tế có vốn nước ngoài 11.428,4 triệu USD, tăng 22,4%.

1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tháng 11 ước thực hiện 2.146,1 triệu USD, tăng 3,1% so với tháng trước; khu vực kinh tế trong nước tăng 4%, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,1%. **Nếu không tính giá trị dầu thô, trị giá xuất khẩu đạt 1.533,1 triệu USD, giảm 1,1% so với tháng trước và tăng 7,7% so với tháng 11/2010.**

Mười một tháng, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước thực hiện 24.444,7 triệu USD, tăng 18,9% so với cùng kỳ năm trước; trong đó khu vực kinh tế trong nước 18.514,5 triệu USD, tăng 18,5%. **Loại trừ dầu thô, trị giá xuất khẩu đạt 17.773 triệu USD, tăng 10,3% và khu vực kinh tế trong nước tăng 5,9%.** Và tiếp tục loại thêm giá trị vàng, trị giá còn lại là 16.559,7 triệu USD, tăng 22,9% so với cùng kỳ năm 2010.

**Mức xuất khẩu của các thành phần kinh tế
không kể dầu thô**

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 11	11 tháng	Tháng 11 với tháng 10	11 tháng với cùng kỳ 2010
Tổng số	1.533,1	17.771,3	98,9	110,3
Kinh tế Nhà nước	264,5	4.712,0	89,7	116,2
Kinh tế tập thể	2,6	18,6	100,9	108,2
Kinh tế tư nhân	654,0	7.110,5	101,0	100,1
Kinh tế có vốn nước ngoài	612,0	5.930,2	101,1	120,1

Ước tính một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của khu vực kinh tế trong nước và so sánh với cùng kỳ năm trước:

+ Gạo 2.574,3 ngàn tấn với trị giá 1.244,8 triệu USD, tăng 10,8% (lượng tăng 10,2% %, giá tăng 0,5%), chiếm tỷ trọng 10,5% tổng kim ngạch xuất khẩu trong nước không kể giá trị dầu thô.

+ Thủy sản 378,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 3,2%, tăng 13,9%;

+ Sữa và các sản phẩm từ sữa 115,8 triệu USD, tăng 49,8%;

+ May mặc 2.006,8 triệu USD, chiếm 16,9%, tăng 19,0%.

+ Giày dép 544,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 4,6%, tăng 18,8%.

+ Dầu thô 6.673,3 triệu USD, tăng 49,9% so với cùng kỳ năm trước (lượng tăng 5,1%, giá bình quân tăng 42,6%).

2. Nhập khẩu

Kim ngạch hàng hoá nhập khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tháng 11 ước thực hiện 2.642,8 triệu USD, tăng 1,1% so tháng trước; Trong đó khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 55,2% trong tổng kim ngạch hàng hóa nhập khẩu.

Mười một tháng, kim ngạch hàng hoá nhập khẩu ước thực hiện 24.571,2 triệu USD, tăng 26,2% so với cùng kỳ năm trước.

Mức nhập khẩu của các thành phần kinh tế

	Kim ngạch (triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 11	11 tháng	Tháng 11 với tháng 10	11 tháng với cùng kỳ 2010
Tổng số	2.642,8	24.571,2	101,1	126,2
Kinh tế Nhà nước	597,4	7.104,9	101,3	137,7
Kinh tế tập thể	1,4	12,3	100,6	121,0
Kinh tế tư nhân	1.460,0	11.955,8	101,1	120,8
Kinh tế có vốn nước ngoài	584,0	5.498,2	101,0	124,9

Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong 11 tháng của khu vực kinh tế trong nước so sánh với cùng kỳ năm trước:

+ Sữa và sản phẩm sữa đạt 442,8 triệu USD tăng 23,3%;

- + Nhiên liệu 1.673 triệu USD, chiếm 8,8%, tăng 183%;
- + Nguyên phụ liệu may 7872,3 triệu USD, tăng 21,2%;
- + Phụ liệu giày dép 180,1 triệu USD, tăng 20,3%.
- + Sắt thép 208,6 triệu USD, giảm 24,1%.
- + Tân dược 872,8 triệu USD, tăng 37%.
- + Dầu mỡ động thực vật 159,2 triệu USD, tăng 11,5%.
- + Chất dẻo 179 triệu USD, giảm 2%.

VI. GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Vận tải hàng hóa và hành khách:

Tổng doanh thu vận tải (thuần túy) tháng 11 ước đạt 3.498,5 tỷ đồng, tăng 5,4% so với tháng trước và tăng 29,5% so với tháng 11/2010; dự ước 11 tháng đạt 32.609,3 tỷ đồng, tăng 26,3% so với cùng kỳ năm trước; trong đó khu vực kinh tế nhà nước chiếm 19,2%, tăng 15,5%.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 11 tháng

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh 11 tháng với cùng kỳ 2010	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	22.394,0	10.215,2	125,8	127,5
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	5.520,1	746,4	111,7	154,0
Kinh tế ngoài nhà nước	16.691,8	6.991,5	131,2	127,2
Kinh tế có vốn nước ngoài	182,1	2.477,4	133,4	121,9
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Đường bộ	11.234,2	7.921,1	126,0	131,0
Đường sông	1.984,2	162,6	142,3	128,0
Đường biển	9.103,3		122,2	
Đường hàng không	72,3	2.131,5	156,0	115,8

- Doanh thu vận tải hàng hóa tháng 11 ước đạt 2.463,7 tỷ đồng, tăng 5,4% so với tháng trước; 11 tháng đạt 22.394 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 68,7% trong tổng doanh thu vận chuyển, tăng 25,8% so với cùng kỳ 2010. Doanh thu ngành vận tải đường biển chiếm tỷ trọng 40,7% trong doanh thu vận chuyển hàng hóa và tăng 56%.

- Doanh thu vận tải hành khách tháng 11 ước đạt 1.034,8 tỷ đồng, tăng 5,3% so với tháng trước; 11 tháng ước đạt 10.215,2 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 31,3% trong tổng doanh thu vận chuyển, tăng 29,2% so với cùng kỳ. Trong đó đường bộ chiếm 77,5% doanh thu của ngành này và tăng 31%; đường hàng không chiếm 20,9%, tăng 15,8%. Doanh thu của khu vực kinh tế nhà nước trong vận tải hành khách chỉ chiếm tỷ trọng 7,3% trong tổng doanh thu của ngành, tăng 54%.

2. Hàng hóa qua cảng:

Tổng lượng hàng hóa qua cảng tháng 11 ước đạt 4.979,7 nghìn tấn, tăng 1,1% so tháng trước, 11 tháng là 53.013,3 nghìn tấn, tăng 0,6% so với 11 tháng cùng kỳ

năm trước; trong đó hàng hoá xuất khẩu 20.116,5 nghìn tấn, chiếm 37,9%, tăng 3,2%; hàng nhập khẩu 24.957,6 nghìn tấn, chiếm 47,1%, giảm 1,9%. Hàng qua cảng biển chiếm 95,6% sản lượng và cảng sông chiếm 4,4%.

Hàng hoá thông qua cảng

	Ước thực hiện (nghìn tấn)		% so sánh	
	Tháng 11	11 tháng	Tháng 11 so tháng 10	11 tháng với cùng kỳ 2010
Tổng số	4.979,7	53.013,3	101,1	100,6
<i>* Phân theo loại cảng</i>				
Cảng biển	4.792,2	50.695,9	101,1	100,8
Cảng sông	187,5	2.317,4	101,0	96,5
<i>* Phân theo loại hàng bốc xếp</i>				
Hàng xuất khẩu	1.929,4	20.116,5	100,7	103,2
Hàng nhập khẩu	2.292,6	24.957,6	101,3	98,1
Hàng nội địa	757,7	7.939,2	101,3	102,0

3. Doanh thu bốc xếp hàng hóa: tháng 11 ước đạt 683,1 tỷ đồng, tăng 2,1% so với tháng trước và tăng 20,3% so với tháng 11/2010. Dự ước 11 tháng đạt 5.270,7 tỷ đồng, tăng 19,5% so với cùng kỳ năm 2010.

VII. TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

1. Tài chính:

Tổng thu ngân sách Nhà nước 11 tháng ước thực hiện 181.791,2 tỷ đồng, vượt 2,1% dự toán, tăng 17,5% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa đạt 96.024,1 tỷ đồng, đạt 97% dự toán, tăng 19,6%; thu từ dầu thô đạt 23.300,1 tỷ đồng, vượt dự toán 104,4%, tăng 49%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 59.000 tỷ đồng, tăng 8,6%.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2011 (Tỷ đồng)		% thực hiện 11 tháng năm 2011 so với	
	Dự toán	Ước TH 11 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2010
Tổng thu	177.970	181.791,2	102,1	117,5
Tổng thu cân đối ngân sách NN	172.706	178.324,2	103,3	118,7
I- Thu nội địa	98.996	96.024,1	97,0	119,6
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	25.810	20.819,8	80,7	103,7
2. Khu vực ngoài nhà nước	26.880	23.604,6	87,8	112,8
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	22.200	20.344,2	91,6	125,7
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	62.310	59.000,0	94,7	108,6
III- Thu từ dầu thô	11.400	23.300,1	204,4	149,0

Thu từ doanh nghiệp nhà nước 11 tháng ước đạt 20.819,8 tỷ đồng, chiếm 21,7% tổng thu nội địa, tăng 3,7% so cùng kỳ (*Nhà nước trung ương đạt 12.062,6 tỷ đồng, tăng 23,8%; Nhà nước địa phương đạt 8.757,1 tỷ đồng, giảm 15,2%*). Thu từ khu vực ngoài nhà nước đạt 23.604,6 tỷ đồng, chiếm 24,6% thu nội địa, tăng 12,8%. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài đạt 20.344,2 tỷ đồng, chiếm 21,2% thu nội địa, tăng 25,7%. Các khoản thu khác đạt 31.255,5 tỷ đồng, tăng 35,3% so cùng kỳ. Trong đó: thuế thu nhập cá nhân tăng 44,8%, thu tiền sử dụng đất tăng 58,3%.

Thu ngân sách nhà nước địa phương 11 tháng ước đạt 48.261,8 tỷ đồng, vượt 34,8% dự toán, tăng 5,8% so cùng kỳ năm 2010.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2011 (Tỷ đồng)		% thực hiện 11 tháng năm 2011 so với 2010	
	Dự toán	Ước TH 11 tháng	Dự toán	Cùng kỳ
Tổng chi (trừ tạm ứng)	35.422,9	37.128,8	104,8	113,0
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	11.300,0	19.681,9	174,2	117,4
Trong đó: trả lãi và vốn vay	3.348,9	3.277,6	97,9	197,7
II- Chi thường xuyên	18.750,0	15.391,9	82,1	120,5
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	2.690,0	1.956,2	72,7	122,2
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	4.974,9	4.011,4	80,6	118,2
Sự nghiệp y tế	2.161,4	1.979,1	91,6	103,9
Quản lý hành chính	2.717,3	2.282,7	84,0	126,7

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 11 tháng ước thực hiện 37.128,8 tỷ đồng, vượt 4,8% dự toán, tăng 13% so cùng kỳ. Chi đầu tư phát triển⁽²⁾ ước thực hiện 19.681,9 tỷ đồng, tăng 17,4% so cùng kỳ, trong đó chi trả lãi và vốn vay đạt 97,9% dự toán. Chi thường xuyên đạt 15.391,9 tỷ đồng, tăng 20,5% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 1.956,2 tỷ đồng, tăng 22,2%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 4.011,4 tỷ đồng, tăng 18,2%; chi sự nghiệp y tế 1.979,1 tỷ đồng, tăng 3,9%; chi quản lý hành chính tăng 26,7%; chi đảm bảo xã hội tăng 52,5%; chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học tăng 1,9%.

Tổng chi ngân sách địa phương bao gồm tạm ứng 11 tháng ước đạt 50.046,3 tỷ đồng, tăng 19,6% so cùng kỳ.

2. Tín dụng ngân hàng:

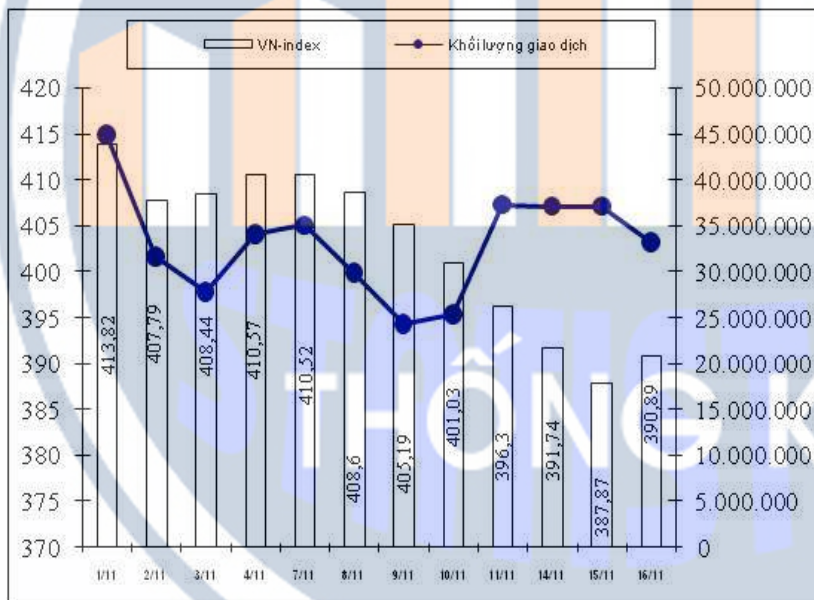
- Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến cuối tháng 11 ước đạt 886,9 ngàn tỷ, tăng 1,8% so với tháng trước và tăng 16,5% so cùng kỳ năm 2010. Vốn huy

² Nếu không tính số tiền tạm ứng vốn đầu tư XDCB đến hết ngày 31/01/2011 chưa thanh toán được chuyển sang năm 2011 thanh toán và quyết toán thì chi đầu tư phát triển 11 tháng ước đạt 10.449,8 tỷ đồng, đạt 131,4% dự toán và bằng 65,6% kế hoạch giao vốn.

động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 59,4% tổng vốn huy động, tăng 22% so cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 24,7%, tăng 10,9% so cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ chiếm 75,3% tổng vốn huy động, tăng 18,5% so cùng kỳ, trong đó tiền gửi tiết kiệm tăng 27,8%, chiếm 36,8%.

- Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến cuối tháng 11 ước đạt 753,8 ngàn tỷ đồng, tăng 9,1% so cùng kỳ năm 2010. Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 380,9 ngàn tỷ đồng, chiếm 49,8% tổng dư nợ, tăng 10,8% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 224 ngàn tỷ đồng, chiếm 28,7% tổng dư nợ, tăng 13% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ chiếm 71,3% tổng dư nợ, tăng 7,6% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng trung dài hạn chiếm 43,8%, tăng 18,7%. Dư nợ tín dụng ngắn hạn tăng 1,7% cùng kỳ.

3- Thị trường chứng khoán:



Tính đến ngày 16/11 tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 305 (tăng 8,9% so đầu năm) gồm 300 cổ phiếu và 5 chứng chỉ quỹ. Tổng giá trị niêm yết toàn thị trường đạt 257.550 tỷ đồng, tăng 12,9% so với đầu năm, trong đó: cổ phiếu đạt 186.120 tỷ đồng, chiếm 72,3%, trái phiếu đạt 68.669 tỷ đồng,

chiếm 26,6%, chứng chỉ quỹ đạt 2.761 tỷ đồng, chiếm 1,1%. Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết đạt 520.380 tỷ đồng, giảm 12,3% so đầu năm. VN-Index tại thời điểm báo cáo đạt 390,89 điểm, giảm 19,3% so đầu năm, tương ứng giảm 93,77 điểm.

- Khối lượng giao dịch của 16 ngày đầu tháng 11 đạt 397,4 triệu chứng khoán, tăng 11,6% so tháng trước, bình quân mỗi phiên có 33,1 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị đạt 599,4 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm đạt 9.532,6 triệu chứng khoán, giảm 2% so cùng kỳ. Trong đó, khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 7.585,9 triệu chứng khoán, giảm 14,2% so cùng kỳ; khối lượng giao dịch thỏa thuận đạt 1.946,7 triệu chứng khoán, tăng 119%; khối lượng giao dịch cổ phiếu đạt 9.405,8 triệu cổ phiếu, giảm 1,6%; khối lượng giao dịch trái phiếu đạt 17,3 triệu trái phiếu, giảm 33,4%.

- Giá trị giao dịch của 16 ngày đầu tháng 11 đạt 7.193,1 tỷ đồng, tăng 27,3% so tháng trước, giảm 19,2% so cùng kỳ. Trong đó: giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 3.993,1

tỷ đồng, chiếm 55,5% tổng giá trị giao dịch, giảm 43,3% so cùng kỳ; giá trị giao dịch của các cổ phiếu đạt 6.871,8 tỷ đồng, chiếm 95,5%, giảm 21,6% so cùng kỳ.

- Lũy kế từ đầu năm, giá trị giao dịch đạt 189.872 tỷ đồng, giảm 42,5% so cùng kỳ. Trong đó, giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 141.959,1 tỷ đồng, giảm 52,2%; giá trị giao dịch thỏa thuận đạt 47.912,9 tỷ đồng, tăng 41,9%; giá trị giao dịch của cổ phiếu đạt 187.543,6 tỷ đồng, giảm 42,6% so cùng kỳ.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	16 ngày tháng 11	Lũy kế đến tháng 11	Tháng 11 so tháng 10	11 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	397,4	9.532,6	111,6	98,0
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	382,2	9.405,8	107,7	98,4
Trái phiếu	1,5	17,3	300,0	66,6
Chứng chỉ quỹ	13,7	109,5	1.810,1	74,6
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	282,2	7.585,9	91,4	85,8
Giao dịch thỏa thuận	115,2	1.946,7	243,3	219,0
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	7.193,1	189.872,0	127,3	57,5
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	6.871,8	187.543,6	122,6	57,4
Trái phiếu	151,7	1.546,0	386,7	72,5
Chứng chỉ quỹ	169,6	782,4	2.775,3	49,8
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	3.993,1	141.959,1	86,6	47,8
Giao dịch thỏa thuận	3.200,0	47.912,9	308,5	141,9

VIII. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Y tế

- **Bệnh sốt xuất huyết:** trong tháng 10 có 1.311 ca, giảm 5,3% (giảm 73 ca) so với cùng kỳ năm 2010 và tăng 15,8% so với tháng 9 năm 2011. Trong 10 tháng đầu năm có 10.249 ca, tăng 56,3% so với cùng kỳ năm trước. Có 10 trường hợp tử vong (năm 2010 không có tử vong). Số ca mắc bệnh vẫn tập trung ở một số quận/huyện như Quận 8, Tân Bình, Bình Tân, Tân Phú.

- **Bệnh tay chân miệng:** trong tháng 10 số ca nhiễm bệnh là 13.788 ca, tăng 1.310 ca so với tháng 10/2010 và tăng 50,5% (tăng 600 ca) so với tháng 9/2011. Trong 10 tháng đầu năm đã có 11.091 ca, gấp 3,7 lần cùng kỳ năm trước và đã có 29 trường hợp tử vong (năm 2010 có 1 ca tử vong). Bệnh xuất hiện ở tất cả các quận/huyện trên địa bàn thành phố, nhiều nhất vẫn là các quận/huyện vùng ven

Quận 8, Huyện Bình Chánh, Quận Bình Tân, Quận Gò Vấp, Huyện Hóc Môn và chủ yếu bệnh lây nhiễm ở các cháu được giữ tại gia đình không tới trường.

- **Bệnh tiêu chảy, tả:** 10 tháng trên địa bàn thành phố có 2.788 ca mắc tiêu chảy, giảm 12% (giảm 335 ca) so với cùng kỳ năm trước. Trong đó có 01 ca dương tính với phẩy khuẩn tả tại quận Thủ Đức.

- **Cúm:** Trong tháng 10 không có ca mắc cúm A/H1N1. 10 tháng ghi nhận 94 ca cúm A/H1N1, có 5 ca tử vong.

2. Vệ sinh an toàn thực phẩm:

Trong tháng 10 đã xảy ra 2 vụ ngộ độc thực phẩm với 196 người mắc. Trong đó có 1 ca tại trường tiểu học Đống Đa Quận 4 với 21 học sinh bị ngộ độc. 10 tháng đã có 7 vụ ngộ độc tập thể với 824 người mắc.

3. Tình hình trật tự an toàn xã hội (tháng 10/2011)

- **Vi phạm kinh tế:** phát hiện và xử lý 66 trường hợp vi phạm, thu giữ hàng hóa trị giá khoảng 6,4 tỷ đồng.

- **Phạm pháp hình sự:** đã xảy ra 524 vụ, tăng 23 vụ so với tháng 10/2010 và tăng 57 vụ so tháng trước; làm chết 07 người, bị thương 54 người, thiệt hại tài sản trị giá trên 14 tỷ đồng. Số vụ phạm pháp đã được điều tra khám phá là 350 vụ, bắt 449 người vi phạm.

- Tình hình hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội

* **Ma túy:** trong tháng đã phát hiện 99 vụ mua bán – tàng trữ ma túy và 23 vụ sử dụng trái phép chất ma túy; khởi tố 93 vụ với 131 người vi phạm; xử lý hành chính 29 vụ với 109 người vi phạm. Lập hồ sơ tập trung 45 người nghiện vào trung tâm cai nghiện, cơ sở chữa bệnh và giáo dục tại phường/xã.

* **Mại dâm và tệ nạn xã hội khác:** Đã triệt phá 07 ổ mại dâm lợi dụng kinh doanh nhà trọ, khách sạn để hoạt động, bắt giữ 50 người tổ chức môi giới và gái mại dâm. Chuyển cho ngành thương binh xã hội cải tạo tập trung 03 gái mại dâm, 143 đối tượng lang thang, xin ăn, 151 đối tượng nghiện ma túy. Kiểm tra lập biên bản 296 cơ sở dịch vụ giải trí vi phạm quy định.

* **Cờ bạc, cá độ:** Đã lập hồ sơ xử lý 95 vụ tổ chức cờ bạc với 472 người tham gia, thu giữ trên 203 triệu đồng và nhiều hiện vật.

- **Trật tự an toàn giao thông:** Trong tháng, đã xảy ra 91 vụ tai nạn giao thông đường bộ, so với tháng trước tăng tăng 12 vụ; làm chết 79 người, bị thương 48 người, làm hư hỏng 144 xe các loại, ngoài ra có 610 vụ va chạm thiệt hại không đáng kể.

Đã lập biên bản hành chính 155 ngàn trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, tạm giữ 8.472 xe các loại, thu hồi 4.402 giấy phép lái xe,... chuyển kho bạc

nhà nước trên 21,5 tỷ đồng tiền phạt. Bên cạnh đó đã phát hiện và giải tán 08 tổ xe gắn máy lưu thông thành đoàn, lạng lách đánh võng gây mất trật tự công cộng trên các tuyến đường; lập biên bản 84 trường hợp, tạm giữ 83 xe gắn máy.

- Về tình hình cháy, nổ (từ ngày 16/9 đến 15/10/2011)

Trên địa bàn thành phố đã xảy ra 14 vụ cháy so với cùng kỳ năm 2010 tăng 04 vụ, thiệt hại về tài sản trị giá khoảng 3 triệu đồng (trong đó có 09 vụ chưa ước tính được thiệt hại). Nguyên nhân cháy chủ yếu là do chập điện.

4. Giải quyết việc làm:

Từ đầu năm đến nay, thành phố đã giải quyết việc làm cho 262 ngàn lượt lao động, đạt 98,9% kế hoạch năm. Trong đó, lao động có việc làm ổn định là 197,3 ngàn người, chiếm tỉ lệ 75,3% so với số lao động được giải quyết việc làm. Số chỗ việc làm mới được tạo ra là 118,3 ngàn chỗ đạt tỷ lệ 98,6% kế hoạch năm.

Trên đây là tình hình kinh tế xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 11 và 11 tháng đầu năm 2011.